TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06-02-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1987; Đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Thôn *, xã V, huyện V1, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Lê Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, vào ngày 24/9/2018. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc nhưng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do hai bên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, lời qua tiếng lại với nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã

nhiều lần hòa giải nhưng anh chị vẫn không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị và anh L đã sống ly thân từ đầu tháng 8/2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 13/01/2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ngọc M trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, vào ngày 24/9/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng có xảy ra cự cãi nhau. Tháng 8/2020, chị M xin về quê ở Thanh Hóa thăm cha mẹ bệnh nhưng sau đó không quay trở lại Bến Tre. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang sống với chị M. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu V cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại Biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị L1 về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Lê Thị Ngọc M và anh Lê Văn L có nội dung như sau:

Bà là mẹ ruột của anh Lê Văn L. Anh Liền và chị Lê Thị Ngọc M có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, anh L và chị M sống bên gia đình của bà và sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn và có lời qua tiếng lại nên chị M xin về thăm cha mẹ ruột ở Thanh Hóa sau đó không quay trở về Bến Tre. Hàng tháng anh L đều gửi tiền và sữa phụ nuôi con. Anh L và chị M đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc M; Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc M tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 20/8/2019 và anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Ngọc M không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc M và bị đơn anh Lê Văn L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh L là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Lê Thị Ngọc M và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau một con chung thì bắt đầu mất hạnh phúc và sống ly thân. Chị M và anh L thống nhất nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, có xảy ra cự cãi nhau, lời trình bày này của các đương sự hoàn toàn phù hợp với nội dung biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của anh L và chị M. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị M yêu cầu được ly hôn với anh L. Tại biên bản lấy lời khai, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị M. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang sống với chị M. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị thống nhất sau khi ly hôn chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Vì vậy, Tòa án giao cháu V cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi anh L và chị M ly hôn là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu V là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản:* Chị Lê Thị Ngọc M và anh Lê Văn L thống nhất trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc M.

Chị Lê Thị Ngọc M được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc M tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 20/8/2019 sau khi ly hôn và anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị M đã nộp theo biên lai thu số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang